

GIỮ [-6.7%]

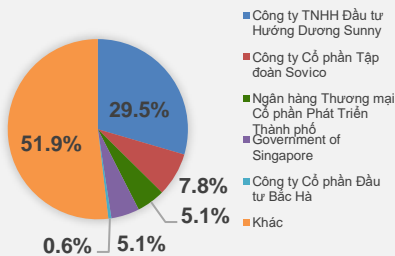
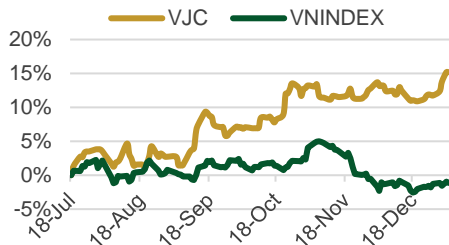
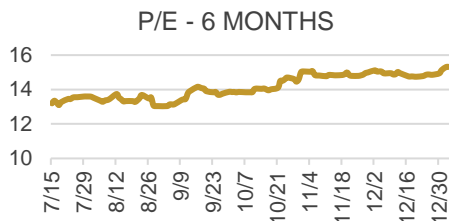
Ngày cập nhật: 13/02/2020

Giá mục tiêu	120,000	VND
Giá hiện tại	128,700	VND

PHS

 (+84-28) 5413 5479 – support@phs.vn
Thông tin cổ phiếu

CP đang lưu hành (triệu)	541.6
Free-float (triệu)	523.8
Vốn hóa (tỷ đồng)	66,527
KLGD TB 3 tháng	805,896
Sở hữu nước ngoài	30%
Ngày niêm yết đầu tiên	28/02/2017

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Nguồn: PHFM

Ảnh hưởng của Virus Covid – 19, dự phóng doanh thu VJC giảm còn 1% năm 2020.

Kết quả kinh doanh 2019: Theo VNAT, khách quốc tế đến Việt Nam năm 2019 đạt 18 triệu lượt tăng (+16,2%YoY), khách nội địa đạt 85 triệu lượt (+6%YoY). Năm 2019, VJC đã thực hiện 139,025 chuyến bay (+ 42.6% YoY). Thị phần hàng không nội địa của VJC đạt 41.2%. Tuy nhiên, doanh thu và lợi nhuận ròng năm 2019 của VJC giảm lần lượt là 2.8% và 20.9% do cạnh tranh hạ giá vé để gia tăng vị thế thị phần làm biên lợi nhuận của VJC năm giảm.

Năm 2019, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lần lượt 40.8% và 47.8% YoY do áp lực cạnh tranh chiếm thị phần của các hãng hàng không, sau khi Bamboo Airways gia nhập với các chính sách chiết khấu cao, thu hút gần 2,000 đại lý trong nước. Bên cạnh đó, VJC chú trọng mở rộng các đường bay quốc tế có biên lợi nhuận cao hơn (Ấn Độ, Nhật, Hàn) với nhiều chính sách ưu đãi, chiết khấu cũng như những chi phí mở đường bay ban đầu làm ảnh hưởng đến lợi nhuận biên năm 2019.

Dự báo 2020: Theo số liệu Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá tác động của virus Covid-19 có 2 kịch bản, virus Covid-19 được khống chế kịp thời trong Q1, lượng khách quốc tế trong quý I có thể giảm 800,000 lượt, theo kịch bản 2, virus Covid-19 được khống chế trong Q2, lượng khách quốc tế có thể giảm 50% tới 60% trong giai đoạn có dịch. Theo số liệu của tổng cục thống kê năm 2002-2003 (Dịch SARS), lượng khách vận chuyển tăng 1.66% (quốc nội tăng 6.21%, quốc tế giảm 4.31%). Năm 2020, lượng khách đến Việt Nam sẽ giảm mạnh trong quý 1, tiếp tục ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận trong quý 2, doanh thu sẽ bắt đầu tăng trở lại từ tháng 4/2020 khi bệnh dịch được khống chế hoàn toàn. Chúng tôi dự phóng tổng doanh thu năm 2020 sẽ tăng 1%.

Động lực tăng trưởng: Theo VNAT, tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2017-2019 của Việt Nam đạt 22% với xu hướng tăng trưởng mạnh của khách quốc tế tới Việt Nam trong những năm gần đây. VJC cũng tích cực tập trung mở rộng các tuyến quốc tế mới kết nối Việt Nam với các thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, và Ấn Độ. VJC vẫn duy trì lợi thế cạnh tranh của mình trong mảng LCC, bên cạnh đó, mảng quốc tế với biên lợi nhuận và doanh thu phụ trợ cao hơn sẽ duy trì được tốc độ tăng trưởng trong những năm tới.

Giá dầu hiện đang ở mức 50.83USD/thùng, chúng tôi dự đoán giá dầu sẽ giảm trong năm 2020 do lực cầu giảm từ Trung Quốc, nguồn cung từ OPEC vẫn chưa giảm sản lượng. Chi phí nhiên liệu chiếm 37% trong tổng doanh thu của VJC, chúng tôi ước tính nếu giá dầu Jet A1 giảm 1USD/thùng, chi phí VJC sẽ giảm khoảng 176.2 tỷ VND. Giá dầu giảm làm giảm chi phí CASK, giảm gánh nặng chi phí cho VJC trong năm tới. VJC dự định sẽ nhận 20 máy bay A321 Neo năm 2020, thêm 20 máy bay nửa năm 2021, kỳ vọng mở rộng thị phần, đáp ứng tăng trưởng ngành du lịch.

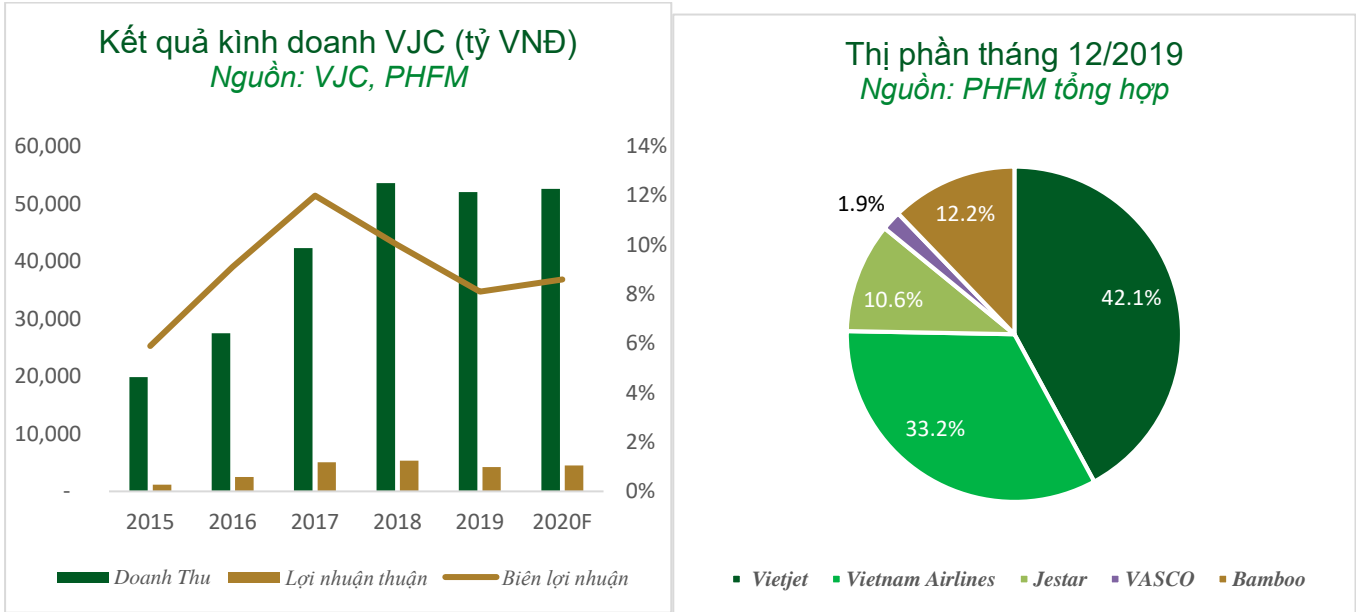
Định giá & khuyến nghị: Bằng phương pháp EV/EBITDAR, đánh giá lại tác động của dịch cúm Corona, chúng tôi ước tính thận trọng giá trị hợp lý của VJC là 120,000 VND/cổ phiếu, ở mức tương đương với EV/EBITDAR 6.5. Do đó, khuyến nghị GIỮ đối với cổ phiếu này.

Rủi ro: (1) Dịch cúm Corona đang bùng phát mạnh mẽ và chưa được kiểm soát; (2) Cạnh tranh từ đối thủ trong ngành; (3) Biến động giá dầu; (4) Bất ổn chính trị ở các nước VJC mở rộng đường bay.

	2016	2017	2018	2019	2020F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	27,499	42,303	53,577	52,060	52,580
LNST (tỷ VND)	2,496	5,074	5,335	4,219	4,524
EPS (VND)	6,562	9,464	9,850	7,889	8,293
Tăng trưởng EPS (%)	-44%	44%	4%	-20%	7%
Giá trị sổ sách (VND)	12,444	19,759	25,916	28,634	34,498
P/E	-	9.5	13.7	16.33	14.26
Cổ tức tiền mặt (%)		30%	40%	10%	10%

(Nguồn: PHFM)

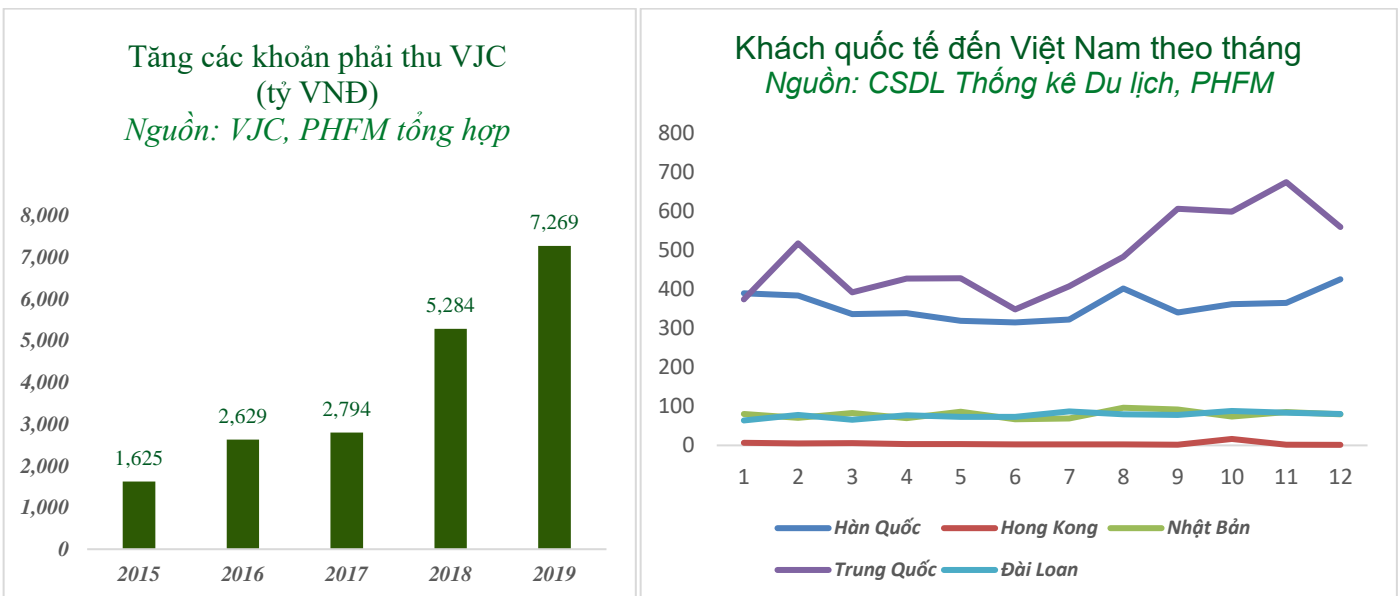
Tình hình kinh doanh VJC năm 2019



Năm 2019, doanh thu và lợi nhuận hợp nhất giảm nhẹ so với năm trước, doanh thu đạt 52,059 tỷ đồng (-3% YoY) và lợi nhuận đạt 5,010 tỷ đồng (-21% YoY). Năm 2018, Công ty đã bán 16 tàu, năm 2019, công ty chỉ bán 7 tàu. Doanh thu từ mảng bán tàu bay đạt 13,585 tỷ đồng, chiếm 26.1% tổng doanh thu năm 2019. Lợi nhuận từ hoạt động LSB trung bình từ năm 2016 đến năm 2018 chiếm 68% tổng lợi nhuận sau thuế của VJC.

Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 đạt 1.439 tỷ đồng (+42.8% YoY) do áp lực cạnh tranh chiếm thị phần của các hãng hàng không. Áp lực khi Bamboo Airways sẵn sàng chi mạnh để có được kênh đại lý mạnh với 2,000 đại lý trong nước, 19 phòng vé ở các thành phố lớn và các đầu sân bay, với nhiều chính sách, chương trình bán hàng cũng như chiết khấu để mở rộng thị phần.

VJC cũng đã thuê thêm 9 tàu bay, nâng tổng số tàu bay đưa vào vận hành khai thác đến cuối năm 2019 là 78 tày bay với tổng số giờ khai thác là 321 nghìn giờ, 139 nghìn chuyến bay. Hệ số sử dụng ghế đạt 87%, độ tin cậy kỹ thuật đạt 99.64% thuộc nhóm các hãng hàng không có chỉ số an toàn khai thác dẫn đầu khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

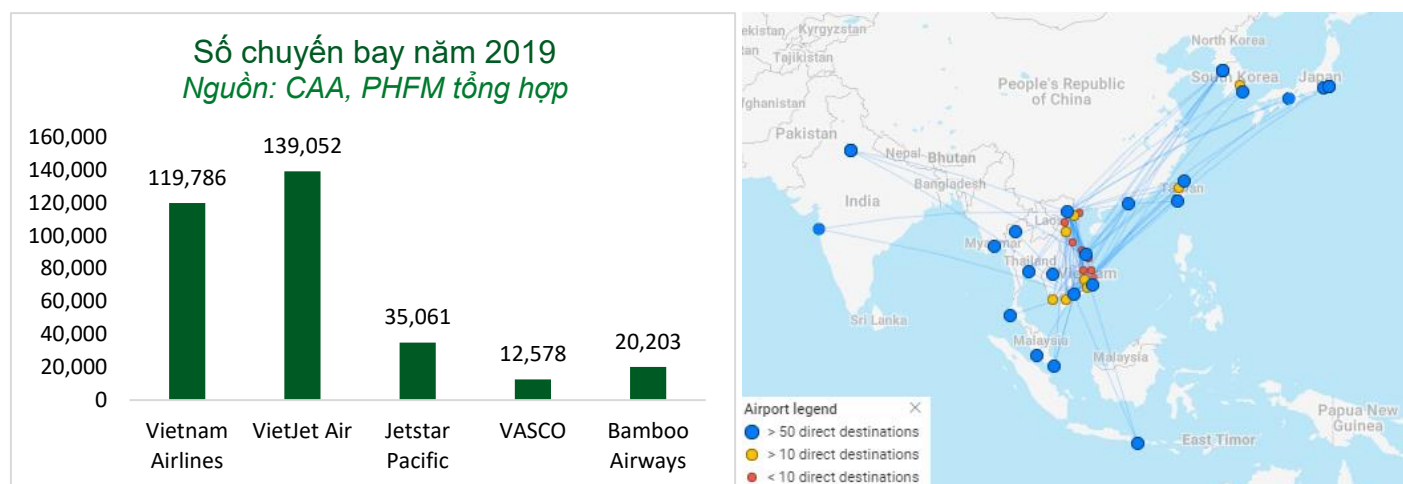


Cả năm 2019, tổng lượng khách đến bằng đường hàng không đạt 14.3 triệu lượt người, chiếm 79.8% lượng khách quốc tế đến Việt Nam, tăng 15.2%. Tốc độ tăng trưởng trung bình 3 năm liên tiếp của Du lịch Việt Nam đạt 22%/ năm. Việt Nam được đánh giá là 1 trong 10 nước tăng trưởng du lịch nhanh nhất thế giới.

Cuối năm 2019, VJC mở đường bay từ Hà Nội và TP HCM đi New Delhi, mở rộng thêm mục tiêu tăng thị phần quốc tế. Năm 2020, Vietjet Air chuẩn bị khai thác 4 đường bay quốc tế mới gồm Đà Lạt – Seoul, Cần Thơ – Seoul, Cần Thơ – Đài Loan và Hà Nội – Bali. VJC hiện đang hoạt động tại Hàn Quốc với 11 đường bay, là hãng hàng không khai thác nhiều chuyến bay đi và đến nhất giữa Việt Nam và Hàn Quốc, kết nối Tp. Hồ Chí Minh/Hà Nội/Hải Phòng/Đà Nẵng/ Nha Trang/ Phú Quốc/Cần Thơ/Đà Lạt đến Seoul/Busan/Daegu.

VJC hiện đang là Hãng hàng không khai thác lớn nhất giữa Việt Nam và Đài Loan với 9 đường bay, kết nối Tp. Hồ Chí Minh/Hà Nội/Đà Nẵng/Cần Thơ đến Đài Bắc/Đài Trung/Đài Nam/Cao Hùng.

VJC tích cực tập trung mở rộng các tuyến quốc tế mới kết nối Việt Nam với các thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, và Ấn Độ, mảng quốc tế với biên lợi nhuận và doanh thu phụ trợ cao hơn sẽ duy trì được tốc độ tăng trưởng trong những năm tới.



Nguồn: FlightConnections

Theo CAPA, năm 2020, Vietjet dự định thuê thêm 9 máy bay, nâng tổng số máy bay đang vận hành lên 78 máy bay, với tổng công 321 nghìn giờ bay. VJC dự định sẽ nhận thêm 20 máy bay A321 Neo trong năm 2020 và 20 máy bay A321 Neo trong năm 2021, kỳ vọng sẽ giảm giá chi phí thuê máy bay trong tổng chi phí vận hành, nâng tỷ suất lợi nhuận mảng vận tải, và cả mảng SLB trong năm 2020 và 2021.

Chi tiết định giá và khuyến nghị:

Bằng phương pháp định giá EV/EBITDAR, mức giá hợp lý dành cho cổ phiếu VJC sẽ vào khoảng 120,000 đồng/cổ phiếu trong năm 2020 (tương đương EV/EBITDAR là 6.5), giảm 6.9% so với giá hiện tại. Từ đó đưa ra khuyến nghị GIỮ cho cổ phiếu này.

Phương pháp EV/EBITDAR

Đơn vị	Giá trị
EBITDAR điều chỉnh	16,226
EV/EBITDAR	6.5
EV	105,469
Nợ chiết khấu	36,768
Nợ	11,823
Tiền mặt	6,076
Giá trị vốn chủ sở hữu	62,954
Số CP đang lưu hành	524
Giá CP	120,000
Giá hiện tại	128,700
Tăng/giảm	-6.7%

(Nguồn: PHFM)

Chúng tôi cũng ước tính hai kịch bản khác khi tăng trưởng VJC dưới tác động của dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới virus Covid-19 gây ra:

Kịch bản 1: Virus Covid-19 được khống chế trong quý 1, các hoạt động kinh tế ổn định, lượng khách du lịch tăng trưởng mạnh trở lại sau cơn dịch. Chúng tôi phóng tăng trưởng doanh thu năm 2020 sẽ đạt 8%.

Phương pháp EV/EBITDAR

Đơn vị	Giá trị
EBITDAR điều chỉnh	17,715
EV/EBITDAR	6.5
EV	115,148
Nợ chiết khấu	36,768
Nợ	11,823
Tiền mặt	6,076
Giá trị vốn chủ sở hữu	72,633
Số CP đang lưu hành	524
Giá CP	138,613
Giá hiện tại	128,700
Tăng/giảm	7.5%

(Nguồn: PHFM)

Bằng phương pháp định giá EV/EBITDAR, mức giá hợp lý dành cho cổ phiếu VJC sẽ vào khoảng 138,613 đồng/cổ phiếu trong năm 2020 (tương đương EV/EBITDAR là 6.5), tăng 7.54% so với giá hiện tại.

Kịch bản 2: Kịch bản tiếp theo là khi virus Covid-19 được khống chế trong quý 2, tác động nhiều đến tâm lý người dân, khách du lịch. Chúng tôi dự phóng trong trường hợp này, doanh thu năm 2020 sẽ giảm 10%

Phương pháp EV/EBITDAR

Đơn vị	Giá trị
EBITDAR điều chỉnh	15,550
EV/EBITDAR	6.5
EV	101,075
Nợ chiết khấu	36,768
Nợ	11,823
Tiền mặt	6,076
Giá trị vốn chủ sở hữu	58,560
Số CP đang lưu hành	524
Giá CP	111,756
Giá hiện tại	128,700
Tăng/giảm	-13.3%

(Nguồn: PHFM)

Bằng phương pháp định giá EV/EBITDAR, mức giá hợp lý dành cho cổ phiếu VJC sẽ vào khoảng 111,756 đồng/cổ phiếu trong năm 2020 (tương đương EV/EBITDAR là 6.5), giảm 13.3% so với giá hiện tại.

Sơ lược công ty

Vietjet là hãng hàng không tư nhân đầu tiên tại Việt Nam vận hành theo mô hình hàng không thế hệ mới, chi phí thấp, đi đầu trong các ứng dụng công nghệ với website bán vé hiện đại, thân thiện. Được thành lập năm 2007 và chính thức khai thác chuyến bay đầu tiên vào ngày Giáng sinh 24/12/2011.

VJC cũng là doanh nghiệp đồng thời đạt nhiều giải thưởng uy tín trong năm 2018 như Huân chương Lao động, top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam và top 40 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2018 của tạp chí Forbes, top 50 hãng hàng không hàng đầu thế giới về các chỉ số tài chính của Air Finance Journal, top 50 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam, top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam, top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, giải thưởng "Đông phục Tiếp viên đẹp nhất châu Á".

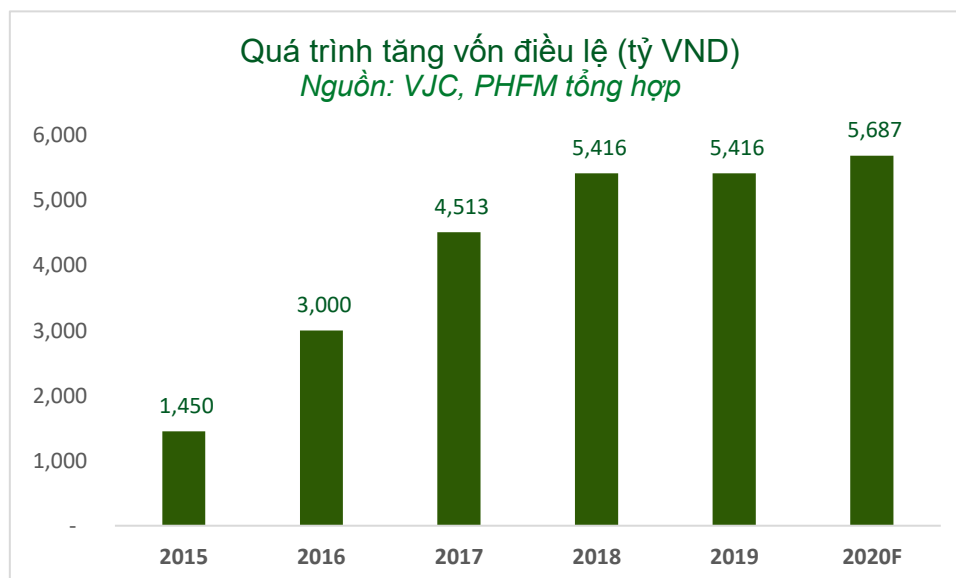
Hiện nay Vietjet đang khai thác mạng đường bay phủ khắp các điểm đến tại Việt Nam và hơn 30 điểm đến trong khu vực tới Thái Lan, Singapore, Malaysia, Myanmar, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, khai thác đội tàu bay hiện đại A320 và A321 với độ tuổi bình quân là 3.3 năm.

Kể từ khi hoạt động khai thác, phục vụ khách hàng đến nay, Vietjet đã được vinh danh với nhiều giải thưởng uy tín tại Việt Nam và quốc tế.

Vietjet là thành viên chính thức của Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) với Chứng nhận An toàn khai thác IOSA. Văn hoá An toàn là một phần quan trọng trong văn hoá doanh nghiệp Vietjet, được quán triệt từ lãnh đạo đến mỗi nhân viên trên toàn hệ thống.

Bên cạnh các giải thưởng và ghi nhận của thị trường trong và ngoài nước, Vietjet cũng nhận được Bằng khen Thủ tướng chính phủ dành cho đơn vị có thành tích trong sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ vì những đóng góp xuất sắc cho sự phát triển của ngành hàng không Việt Nam.

Quá trình tăng vốn điều lệ



Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)

Kết quả kinh doanh	2016A	2017A	2018A	2019F	2020E
Doanh thu thuần	27,499	42,303	53,577	52,060	52,580
Giá vốn hàng bán	(23,597)	(35,753)	(46,085)	(45,305)	(45,219)
Lợi nhuận gộp	3,902	6,550	7,492	6,755	7,361
Chi phí bán hàng	(518)	(579)	(713)	(1,004)	(1,052)
Chi phí QLDN	(189)	(226)	(295)	(436)	(526)
Lợi nhuận từ HĐKD	3,195	5,745	6,484	5,315	5,783
Lợi nhuận tài chính	(654)	(521)	(918)	(981)	(1,472)
Chi phí lãi vay	(181)	(238)	(258)	(351)	(422)
Lợi nhuận trước thuế	2,703	5,303	5,816	5,011	5,424
Lợi nhuận sau thuế	2,496	5,074	5,335	4,219	4,524
LNST của cổ đông Công ty mẹ	2,496	5,073	5,335	4,219	4,524
Cân đối kế toán	2016A	2017A	2018A	2019F	2020E
Tài Sản Ngắn Hạn	10,314	17,669	19,254	27,182	26,128
Tiền và tương đương tiền	2,741.34	6,861.60	7,164.92	6,076.13	6,683.74
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.40	1.40	991.40	990.00	1,089.00
Phải thu ngắn hạn	7,128.8	10,223.5	10,272.6	18,985.7	17,526.8
Hàng tồn kho	138	267	469	684	384
Tài sản ngắn hạn khác	304.03	315.01	356.11	446.03	444.49
Tài Sản Dài Hạn	8,710	12,466	18,364	19,690	38,382
Phải thu dài hạn	5,104.80	7,152.70	10,577.30	12,939.50	13,586.00
Tài sản cố định	7.42	5.18	3.18	2.29	2.76
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	181	222	1,233	1,319	19,060
Đầu tư tài chính dài hạn	68.4	68.4	68.4	216.0	259.2
Tài sản dài hạn khác	3,348.00	5,018.00	6,482.00	5,213.00	5,474.00
Tổng cộng tài sản	19,024	30,135	37,618	46,872	64,510
Nợ phải trả	6,796.84	7,523.91	5,530.23	11,822.77	14,430.31
Nợ ngắn hạn	6,102	6,897	4,958	8,159	9,301
Nợ dài hạn	694.84	626.91	572.23	3,663.77	5,129.26
Vốn chủ sở hữu	4,732.53	10,592.36	14,036.67	15,312.44	18,542.54
Vốn góp	3,000	4,513	5,416	5,416	5,687
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.5	1.8	1.8	2.4	3.6
Tổng nguồn vốn	11,529	18,116	19,567	27,135	32,973

Lưu chuyển tiền tệ	2016A	2017A	2018A	2019F	2020F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	1,636.0	5,578.2	4,429.0	(1,076.8)	1,306.9
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(2,830.2)	(3,042.0)	(177.6)	(3,496.2)	(1,836.9)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	2,986.3	1,596.9	(4,014.6)	3,399.3	1,131.9
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1,792.1	4,133.1	236.8	(1,173.7)	601.9
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	923.5	2,741.3	6,861.6	7,164.9	6,076.1
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	2,741.3	6,861.6	7,164.9	6,076.1	6,683.0
Chỉ số tài chính (%)	2016A	2017A	2018A	2019F	2020F
Tăng trưởng					
Doanh thu	38.6%	53.8%	26.7%	-2.8%	1.0%
Lợi nhuận sau thuế	113.2%	103.3%	5.2%	-20.9%	7.2%
Tổng tài sản	66.6%	57.8%	23.5%	21.8%	37.5%
Tổng vốn chủ sở hữu	219.8%	57.8%	23.5%	21.8%	21.5%
Khả năng sinh lời					
Tỷ suất lãi gộp	14.2%	15.5%	14.0%	13.0%	14.0%
Tỷ suất EBIT	13.6%	12.1%	10.2%	11.0%	11.0%
Tỷ suất lãi ròng	9.1%	12.0%	10.0%	8.1%	8.6%
ROA	13.1%	16.8%	14.2%	9.0%	7.0%
ROE	52.7%	47.9%	38.0%	27.6%	24.4%
Hiệu quả hoạt động					
Vòng quay khoản phải thu	4.10	5.20	2.70	3.00	3.50
Vòng quay hàng tồn kho	2.27	3.15	4.73	2.63	2.96
Vòng quay khoản phải trả	75.50	58.00	36.90	60.20	57.70
Khả năng thanh toán					
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.69	2.56	3.88	3.33	2.81
Tỷ suất thanh toán nhanh	1.67	2.52	3.79	3.25	2.77
Cấu trúc tài chính					
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.36	0.25	0.15	0.25	0.22
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.44	0.71	0.39	0.77	0.78
Vay ngắn hạn/VCSH	1.29	0.65	0.35	0.53	0.50
Vay dài hạn/VCSH	0.15	0.06	0.04	0.24	0.28

Nguồn: PHFM

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Như Lan, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4560

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801